

Bản án số: 23/2017/HS-ST
Ngày 10-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ XUYỀN, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Biên** – Nghề nghiệp: Phó Hội cựu chiến binh huyện Vị Xuyên.

2. Ông **Đỗ Duy Toàn** – Nghề nghiệp: Phó Bí thư Đoàn thanh niên thị trấn Việt Lâm, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên tham gia phiên tòa: Bà **Lý Hồng Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Nhà văn hóa thôn AI, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2017/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 423/2017/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **NGUYỄN VĂN T** - Sinh ngày 04 tháng 12 năm 1996 tại huyện C, tỉnh Hà Giang.

Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N; Con bà: Nguyễn Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo T bị bắt tạm giữ từ ngày 10-7-2017 đến ngày 19-7-2017 được tại ngoại; Thay đổi bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 20/ LCDKNCT ngày 19-7-2017 của Cơ quan điều tra Công an huyện C. Hôm nay: Bị cáo T có mặt.

2. Bị cáo: **NGUYỄN VĂN N** (Tên gọi khác: **U**)

Sinh ngày 19 tháng 3 năm 1999 tại huyện C, tỉnh Hà Giang.

Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân Q; Con bà: Dương Thị D; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo N bị bắt tạm giữ từ ngày 10-7-2017 đến ngày 19-7-2017 được tại ngoại; Thay đổi bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 20/LCĐKNCT ngày 19-7-2017 của Cơ quan điều tra Công an huyện Vị Xuyên.

Bị cáo N bắt tạm giam từ ngày 20-9-2017 (theo *Quyết định tạm giữ số 21/QĐTG ngày 20-9-2017 và Lệnh tạm giam số 16/LTG ngày 22-9-2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Hà Giang về hành vi “Cướp tài sản”*). Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Hà Giang; Hôm nay: Bị cáo N có mặt.

- *Người bị hại:* Bà **Nông Thị X** – Sinh năm: 1951; Địa chỉ: Thôn A I, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hà Giang. Hôm nay: Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh **Lộc Văn H** – Sinh ngày: 18-11-2001; Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Hà Giang. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang về hành vi “Cướp tài sản”. Hôm nay: Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của anh Lộc Văn H:* Bà **Nguyễn Thị M** (là mẹ đẻ của anh Hiệp) – Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Hà Giang. Hôm nay: Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người làm chứng anh **Hà Văn N** – Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn H, huyện L, tỉnh Hà Giang. Hôm nay: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 40 phút, ngày 08-7-2017, Nguyễn Văn T đi chơi thì gặp Nguyễn Văn N. T và N về nhà ông Hà Quang T, sinh năm 1965 (*là bác ruột của N*), trú tại thôn D, xã E ngồi chơi. Do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T rủ N lấy con trâu ở nhà bà nội, N đồng ý. Sau đó N lấy xe mô tô nhãn hiệu WAYXIN, gắn biển kiểm soát 23H9 – 7270 (do Hà Văn N cho mượn) chở T đi đến nhà bà Nông Thị X, sinh năm 1951 (*Là bà nội của T*), trú tại thôn A I, thị trấn B, huyện C để trộm cắp trâu. Khi đến gần nhà bà X cách nhà khoảng 200 mét, T và N giấu xe ở cạnh đường, T dẫn N đi theo đường mòn vào chuồng trâu nhà bà X. Khi đến chuồng trâu T và N thấy trong chuồng có 01 con trâu cái, lông màu đen. T và N đi vào thay nhau cõi dây buộc trâu. Sau khi N cõi được dây, N dắt trâu đi ra theo đường mòn, còn T đi sau đuổi trâu. Khi đến vị trí để xe, N tiếp tục dắt trâu đi ra đường Tân Mỹ, qua cầu km 21 sang thôn K, xã M, khi đến km 14 đường Hà Giang – Tuyên Quang thuộc thôn N, xã E thấy trời mờ sáng, sợ mọi người phát hiện nên T, N dắt trâu lên trên đồi cách đường quốc lộ II khoảng 30 mét buộc giấu con trâu vào gốc cây rồi cùng nhau đi về nhà Lộc Văn H, sinh năm 2001, trú tại thôn G, xã E để ngủ. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày N gọi điện thoại cho T hỏi xử lý con trâu thế nào, T trả lời tùy N. Khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày N gọi điện thoại cho H sau đó đến gặp H, N rủ H đi dắt con trâu do T và N đã trộm cắp của nhà bà nội T, H đồng ý. N đi xe mô tô gắn BKS 23H9 – 7270 chở H ngồi sau lên vị trí buộc trâu, N dắt

con trâu đi theo hướng lên Hà Giang, H đi xe mô tô đi sau đuôi. Khoảng 03 giờ sáng ngày 10-7-2017 hai người đuổi con trâu đi lên khu vực đồi km 10 đường Hà Giang – Tuyên Quang (*thuộc thôn D, xã E*) buộc con trâu lại. Sau đó H, N về nhà ngủ. Ngày 10-7-2017 T và N bị cơ quan chức năng phát hiện bắt giữ. Chiều ngày 10-7-2017, N đã giao nộp con trâu cho cơ quan chức năng để giải quyết. Đối với Lộc Văn H - Sinh ngày: 18-11-2001 (*tính đến thời điểm phạm tội H 15 tuổi 7 tháng 21 ngày*) chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 con trâu cái, màu lông đen có chiều dài là 2m50, vòng bụng 2m40, chiều cao chân trước 1m30, chiều cao chân sau 1m23, chiều dài sừng mỗi bên là 55cm (*kèm theo dây thừng (dây dứa) dài 2m30*). Quá trình điều tra xác định con trâu này là tài sản của gia đình bà Nông Thị X, sinh năm 1951, trú tại thôn A I, thị trấn B nên cơ quan CSĐT công an huyện C đã trả lại cho bà X (BL số 22).

- 01 xe mô tô màu sơn đen – xám; 01 BKS 23H9 – 7270 và 01 BKS 23L3 - 0357;

- 01 điện thoại Nokia màu đen (*đã qua sử dụng*);

- 01 điện thoại di động Nokia – C3-00, vỏ màu hồng (*đã qua sử dụng*);

(*Toàn bộ vật chứng còn lại đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Xuyên quản lý*).

Tại Kết luận định giá tài sản hồi 15 giờ 00 phút, ngày 14-7-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C định giá: 01 con trâu cái màu lông đen, sừng cong dài 55cm, chiều dài 2m50, vòng bụng 2m40, chiều cao chân trước 1m30, chiều cao chân sau 1m23, có giá trị là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) (BL số 38).

Căn cứ phiếu trả lời xác minh ngày 24-7-2017 của Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang xác định chiếc xe mô tô màu sơn đen – xám, nhãn hiệu WAYXIN, số khung RRHWCH8RH8A026855, số máy VTH152FMH-5026855 có BKS là 23H9 – 7827. Chủ xe tên là Giàng Mí V, đã bán cho người khác không rõ tên tuổi địa chỉ của người đã mua lại chiếc xe mô tô của anh Và, đã bỏ lại ở vườn nhà Hà Văn N, đã cho N mượn và đã gắn 02 - BKS 23H9 – 7270 và BKS 23L3 – 0357 sử dụng.

Ngày 12-8-2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã thông báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe trên, nhưng đến nay chưa xác định được chủ sở hữu của chiếc xe mô tô WAYXIN (BL số 23).

Tại cáo trạng số: 22/CT-VKS ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Hà Giang. Quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của các bị cáo; lời khai của người bị hại; lời khai của người có liên quan; lời khai của người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên đề nghị với HĐXX tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên cáo bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 53; Điều 20; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 20 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 10-7-2017 đến ngày 19-7-2017).

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 18 tháng đến 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 20-9-2017 và được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 10-7-2017 đến ngày 19-7-2017).

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nông Thị X đã nhận lại tài sản bị mất là 01 con trâu cái, màu đen bị mất trộm ngày 08-7-2017. Bà X không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, không có ý kiến gì bổ sung. Nên không đề cập giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Giao cho Cơ quan điều tra công an huyện C xử lý theo thẩm quyền vì đang trong thời gian truy tìm chủ sở hữu tài sản gồm:

- 01 xe mô tô màu sơn đen - xám gắn; 01 BKS 23H9 – 7270 và 01 BKS 23L3 – 0357.

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại Nokia màu đen 1280 (đã qua sử dụng).

- 01 điện thoại di động Nokia – C3-00, vỏ màu hồng (đã qua sử dụng).

Theo như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩ Xuyên ngày 10-10-2017.

Về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 08-7-2017, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên T rủ bị cáo Nguyễn Văn N đi trộm cắp 01 con trâu cái, màu lông đen của gia đình bà Nông Thị X với mục đích đem bán lấy tiền. Sau khi trộm cắp được T và N đã mang con trâu lên khu vực đồi km 14 đường Hà Giang – Tuyên Quang buộc giấu. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 09-7-2017, N rủ Lộc Văn H mang con trâu lên khu vực đồi km 10 đường Hà Giang – Tuyên Quang buộc giấu để chờ tìm nơi tiêu thụ. Bị cáo T nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn N nhất trí lời khai của bị cáo T trình bày, khi T rủ trộm cắp con trâu N nhất trí cùng thực hiện. Đến khoảng 23 giờ 40 phút ngày 09-7-2017, N rủ Lộc Văn H mang con trâu lên khu vực đồi km 10 đường Hà Giang – Tuyên Quang buộc giấu để chờ tìm nơi tiêu thụ. Bị cáo Nguyễn Văn N nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người có liên quan anh Lộc Văn H công nhận phần trình bày của bị cáo Nguyễn Văn N là đúng. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày

09-7-2017, N rủ Lộc Văn H mang con trâu lên khu vực đồi km 10 đường Hà Giang – Tuyên Quang buộc giầu để chờ tìm nơi tiêu thụ. Hiệp nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Do Lộc Văn H - Sinh ngày: 18-11-2001 (*tính đến thời điểm phạm tội Hiệp 15 tuổi 7 tháng 21 ngày*) chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài ra, không có ý kiến gì bổ sung.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại bà Nông Thị X công nhận phần trình bày của bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn N là đúng. Bà Nông Thị X đã nhận lại tài sản bị mất là 01 con trâu cái, màu đen. Bà X không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, không có ý kiến gì bổ sung.

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo T và bị cáo N khai nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau. Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 08-7-2017, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo T rủ bị cáo N đi trộm cắp 01 con trâu cái, màu lông đen của gia đình bà Nông Thị X với mục đích đem bán lấy tiền. Con trâu có giá trị là 30.000.000đ. Sau khi trộm cắp được T và N đã mang con trâu lên khu vực đồi km 14 đường Hà Giang – Tuyên Quang buộc giầu. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 09-7-2017, N rủ Lộc Văn H mang trâu lên khu vực đồi km 10 đường Hà Giang – Tuyên Quang buộc giầu để chờ tìm nơi tiêu thụ. Các bị cáo T và N là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Lời nhận tội của các bị cáo T, N trước phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người có liên quan, người làm chứng, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp biên bản định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo T và bị cáo N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Như đại diện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1, khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“Khoản 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Khoản 2...

Khoản 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.”

Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội nói chung và trên địa bàn huyện C, tỉnh Hà Giang nói riêng. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Trong vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo T với vai trò chủ mưu khởi xướng, rủ rê bị cáo N cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần lên mức án cao hơn bị cáo N. Còn bị cáo N chỉ với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực trong vụ án. Do vậy HĐXX xét thấy cần lên mức án nghiêm tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà các bị cáo gây ra để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Theo khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138, Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xét nhân thân bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên toà và quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu. Do vậy bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét nhân thân bị cáo N chưa có tiền án, tiền sự. Ngày 20-01-2014 bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi trộm cắp tài sản. Tại phiên toà và quá trình điều tra bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu. Do vậy bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo T, N là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Do vậy HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nông Thị X đã nhận lại tài sản bị mất là 01 con trâu cái, màu đen bị mất trộm ngày 08-7-2017. Bà X không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, không có ý kiến gì bổ sung. Nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu WAYXIN, màu sơn đen – xám, một bên vỏ máy có chữ HONDA, số máy: VTH152FMH-5026855, số khung: RRHWCH8RH8A026855; 01 BKS 23H9 – 7270 và 01 BKS 23L3 – 0357.

Ngày 12-8-2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã thông báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAYXIN, màu sơn đen – xám nhưng đến nay chưa xác định được chủ sở hữu của chiếc xe mô tô (BL số 23). Do vậy cần giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C xử lý theo thẩm quyền.

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại Nokia màu đen 1280.

- 01 điện thoại di động Nokia – C3-00, vỏ màu hồng.

Vật chứng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

(Tất cả vật chứng đều đã qua sử dụng, tình trạng theo như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện C ngày 10-10-2017.)

Theo khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Theo quy định khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại theo quy định tại Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với Lộc Văn H - Sinh ngày: 18-11-2001 (*tính đến thời điểm phạm tội H 15 tuổi 7 tháng 21 ngày*) là người biết con trâu do T và N trộm cắp mà có nhưng H đã cùng Nguyễn Văn N đi đuổi con trâu mang đi cất giấu để chờ tìm nơi tiêu thụ. Do H chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88 ngày 12-9-2017 về hành vi trộm cắp tài sản. Mức xử phạt: Cảnh cáo đối với Lộc Văn H(BL số 172).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn N (Tên gọi khác: U) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo T đi chấp hành án và được khấu trừ thời hạn tạm giữ (từ ngày 10-7-2017 đến ngày 19-7-2017). *Bị cáo T không bị bắt tạm giam.*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N (Tên gọi khác: U) 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo N bị bắt, ngày 20-9-2017 và được khấu trừ thời hạn tạm giữ (từ ngày 10-7-2017 đến ngày 19-7-2017).

Bị cáo N đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giữ số 21/QĐTG ngày 20-9-2017 và Lệnh tạm giam số 16/LTG ngày 22-9-2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Hà Giang về hành vi “Cướp tài sản”

Về vật chứng: Áp dụng Khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C xử lý theo thẩm quyền gồm:

01 xe mô tô nhãn hiệu WAYXIN, màu sơn đen – xám, một bên vỏ máy có chữ HONDA, số máy: VTH152FMH-5026855, số khung: RRHWCH8RH8A026855; 01 BKS 23H9 – 7270; 01 BKS 23L3 – 0357.

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại Nokia màu đen 1280. (đã qua sử dụng)
- 01 điện thoại di động Nokia – C3-00, vỏ màu hồng. (đã qua sử dụng)

(Tình trạng vật chứng được kê chi tiết theo như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện C ngày 10-10-2017)

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10-11-2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có liên quan;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Sở t pháp;
- Thi hành án huyện C;
- Lưu hs, hstha, vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Anh Luyện

Bản án gốc được thông qua tại phòng xét xử cho các thành viên hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)